|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****HUYỆN QUẾ VÕ*****DỰ THẢO*** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Quế Võ, ngày tháng năm 2022* |

**ĐỀ ÁN**

**ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, TÊN PHỐ**

**ĐÔ THỊ PHỐ MỚI MỞ RỘNG (GIAI ĐOẠN 2)**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022*

*của UBND huyện Quế Võ)*

# Phần thứ nhất

# SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

## 1. Sự cần thiết đặt tên đường, tên phố

Thị trấn Phố Mới huyện Quế Võ là đơn vị hành chính trực thuộc huyện Quế Võ - tỉnh Bắc Ninh, được thành lập năm 1995 trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Việt Hùng và xã Phượng Mao theo Nghị định số 58/CP ngày 07/10/1995 của Chính phủ về việc thành lập và điều chỉnh địa giới thị trấn thuộc các huyện Quế Võ, Lục Ngạn, tỉnh Hà Bắc.

Thị trấn Phố Mới với vai trò là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của huyện Quế Võ, trong những năm gần đây, đã có sự phát triển vượt bậc về hạ tầng kỹ thuật. Hệ thống các công trình cơ sở hạ tầng được đầu tư ngày càng hoàn chỉnh, các tuyến đường, phố ngày một khang trang, sạch đẹp, nhiều khu nhà được xây mới đặc biệt từ khoảng 10 năm trở lại đây, thị trấn Phố Mới đã có những bước phát triển vững chắc với tốc độ nhanh, từng bước trở thành một đô thị văn minh, hiện đại.

Ngày 31/7/2020 Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 1006/QĐ-BXD về việc công nhận đô thị Phố Mới mở rộng (Đô thị Quế Võ) tỉnh Bắc Ninh đạt tiêu chí đô thị loại IV, bao gồm: 10 xã và 01 thị trấn Phố Mới (thị trấn Phố Mới, Phượng Mao, Phương Liễu, Bằng An, Việt Hùng, Bồng Lai, Cách Bi, Quế Tân, Phù Lương, Nhân Hòa, Đại Xuân).

Đô thị Phố Mới mở rộng (Đô thị Quế Võ) nằm trên trục đường Quốc lộ 18A giao thương với nhiều Tỉnh, Thành, đặc biệt là nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ có đường Quốc lộ 18, Tỉnh lộ 279 và nhiều tuyến đường đô thị đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng; các cơ sở dịch vụ thương mại đang ngày một phát triển, quy hoạch đô thị, cơ sở giao thông được đầu tư và đang dần hoàn thiện, mật độ phủ lấp dân cư cao. Tuy nhiên, các tuyến giao thông chưa được đặt tên đường, tên phố, đánh số nhà dẫn đến những khó khăn trong việc quản lý đô thị và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Do vậy, thực tế đòi hỏi cần phải tổ chức đặt tên đường, tên phố.

Để tăng cường công tác quản lý đô thị, đồng thời đáp ứng yêu cầu của nhân dân trong việc giao dịch, liên hệ, làm việc thì Đề án đặt tên đường, tên phố, gắn số nhà là nhiệm vụ cần thiết. Việc đặt tên đường, tên phố không chỉ giải quyết vấn đề quản lý đô thị góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, mà các thông tin về địa danh, về sự kiện lịch sử, về các danh nhân, anh hùng còn có ý nghĩa giáo dục sâu sắc về truyền thống lịch sử hào hùng của quê hương, đất nước đối với các thế hệ trẻ, cán bộ đảng viên và nhân dân trong huyện.

Đề án đặt tên đường, tên phố đô thị Phố Mới mở rộng (giai đoạn 2) là nhiệm vụ quan trọng nhằm thực hiện tốt công tác quản lý đô thị, tạo điều kiện thuận lợi góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh trên địa bàn cho tổ chức, cá nhân trong các hoạt động giao dịch đồng thời mang ý nghĩa giáo dục nhân văn sâu sắc về truyền thống lịch sử - văn hóa gắn với địa phương, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân. Với những lý do trên, việc đặt tên đường, tên phố cho đô thị Phố Mới mở rộng huyện Quế Võ có ý nghĩa quan trọng và cần thiết.

## 2. Căn cứ xây dựng Đề án

Đề án đặt tên đường, tên phố đô thị Phố Mới mở rộng (giai đoạn 2) được lập trên các cơ sở, căn cứ sau:

- Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

- Thông tư số 36/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ;

- Nghị quyết số 41/2016/NQ-HĐND18 ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 91/2017/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Đề án “Ngân hàng dữ liệu tên đường, tên phố và công cộng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”;

- Quyết định 162/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt bổ sung Đề án “Ngân hàng dữ liệu tên đường, tên phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”;

- Quyết định số 05/2006/QĐ-BXD ngày 08/3/2006 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chế đánh số và gắn biển số nhà;

- Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 05/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Điều chỉnh mở rộng Quy hoạch chung đô thị Phố Mới giai đoạn năm 2008-2025;

- Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 09/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Phố Mới, huyện Quế Võ và phụ cận, đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Phố Mới và phụ cận, huyện Quế Võ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 28/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Phố Mới và phụ cận (đô thị Quế Võ), huyện Quế Võ đến năm 2040;

- Quyết định số 1006/QĐ-BXD ngày 31/7/2020 của Bộ Xây dựng về việc công nhận Đô thị Phố Mới mở rộng (Đô thị Quế Võ) tỉnh Bắc Ninh đạt tiêu chí đô thị loại IV;

- Nghị quyết số 358/NQ-HĐND ngày 12/4/2021 của HĐND tỉnh phê duyệt đề án Đặt tên đường, tên phố Đô thị Phố Mới mở rộng (giai đoạn 1);

- Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Phố Mới và phụ cận (đô thị Quế Võ), tỉnh Bắc Ninh đến năm 2040, tỷ lệ 1/10.000;

- Tư liệu lịch sử về sự hình thành của tỉnh Bắc Ninh, huyện Quế Võ, thị trấn Phố Mới và các địa phương có liên quan;

- Bản đồ quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết khu trung tâm đô thị;

- Hiện trạng hệ thống giao thông đô thị của thị trấn Phố Mới;

- Các yếu tố đặc thù về chính trị, kinh tế, văn hóa, danh nhân của địa phương và của cả nước qua các thời kỳ.

##  3. Phạm vi đề án

Đề ánđặt tên đường, tên phố trong phạm vi của Đô thị Phố Mới mở rộng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

# Phần thứ hai

# CÁC NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

## I. XÁC ĐỊNH TUYẾN ĐƯỜNG VÀ PHÂN LOẠI TUYẾN PHỐ

**1. Xác định tuyến đường**

***1.1. Những căn cứ để xác định tuyến đường:***

- Quy hoạch chung phát triển đô thị, quy hoạch chi tiết khu trung tâm đô thị đã được phê duyệt;

- Tính chất, quy mô của tuyến đường;

- Hiện trạng mạng lưới giao thông đô thị.

***1.2. Mỗi tuyến đường được xác định điểm đầu, điểm cuối và chiều dài:***

- Điểm đầu của tuyến là điểm giới hạn tuyến, từ đó bắt đầu tính số nhà trên tuyến đường và được xác định theo các nguyên tắc:

+ Đối với đường hướng vào trung tâm thì điểm đầu là điểm gần trung tâm;

+ Đối với đường cong thì điểm đầu xác định theo nguyên tắc chiều quay kim đồng hồ.

+ Đối với các tuyến đường còn lại thì điểm đầu của tuyến xác định theo nguyên tắc Bắc - Nam, Đông - Tây, Đông Bắc - Tây Nam, Đông Nam - Tây Bắc.

- Điểm cuối của tuyến đường là điểm giới hạn tuyến, tại đó kết thúc tính chất của tuyến.

- Chiều dài của tuyến được xác định để số nhà có nhiều nhất 3 chữ số.

- Chiều dài và sơ đồ của tuyến đường được thể hiện trên bản vẽ.

- Sơ đồ các tuyến đường được thể hiện trên bản vẽ kèm theo Đề án này.

***1.3. Nguyên tắc xác định đường, phố***

Việc đặt tên đường, phố trên địa bàn đô thị Phố Mới mở rộng được căn cứ theo hướng dẫn tại Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh như sau:

- Đại lộ: Là đường phố có quy mô lớn, có ý nghĩa đặc biệt và giữ vị trí quan trọng trong mạng lưới giao thông đô thị, đáp ứng yêu cầu hạ tầng kỹ thuật, thẩm mỹ và cảnh quan đô thị.

- Đường: Là lối đi lại được xác định trong quy hoạch có quy mô lớn về chiều dài, chiều rộng, gồm các trục chính trên địa bàn đô thị, các tuyến đường vành đai, đường liên tỉnh, liên huyện, thị xã, thành phố hoặc liên thôn, liên xã, liên khu phố có dân cư sinh sống ổn định.

- Phố: Là lối đi lại được xác định trong quy hoạch đô thị, hai bên phố thường có các công trình kế tiếp nhau như nhà ở, cửa hàng, cửa hiệu, trụ sở cơ quan.

- Ngõ: Là lối đi lại nhỏ từ đường, phố vào các cụm dân cư đô thị.

- Ngách: Là lối đi lại hẹp từ ngõ đi sâu vào các cụm dân cư đô thị.

## II. NGUYÊN TẮC ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, PHỐ

Đặt tên đường, tên phố trên địa bàn đô thị Phố Mới mở rộng được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và theo thứ tự ưu tiên như sau:

**1. Tên đường, phố lấy theo địa danh có sẵn**

Đặt tên đường, phố theo địa danh có sẵn nghĩa là lấy tên địa danh đặt cho đường chạy qua địa danh đó. Ưu điểm của cách đặt tên này là giữ gìn giá trị lịch sử, văn hoá của địa phương, dễ nhận biết, đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân. Nhược điểm, hiện tại các địa danh sẵn có trên địa bàn không nhiều để đặt tên cho các đường, phố.

**2. Tên đường, phố lấy theo sự kiện tiêu biểu**

Lấy theo sự kiện tiêu biểu đặt tên cho đường, phố là cách chọn các sự kiện lịch sử tiêu biểu đặt cho đường, phố. Ưu điểm của cách đặt tên này là dễ nhớ tên đường, có tính giáo dục cao. Nhược điểm, hiện tại các sự kiện tiêu biểu không nhiều, không đủ đặt tên cho hết các đường, phố.

**3. Tên đường lấy theo tên các danh nhân, anh hùng dân tộc**

Chọn tên các danh nhân, anh hùng dân tộc đặt tên cho đường, phố là cách đặt tên thường gặp nhất, vì nó có tính giáo dục cao và có nhiều danh nhân, anh hùng tiêu biểu để đặt tên cho đường, phố. Cách đặt này có một số đặc điểm sau:

- Chọn những danh nhân đã được công nhận về công trạng, đạo đức và có nhiều gắn bó, kỷ niệm sâu sắc với nhân dân vùng Kinh Bắc và đô thị Phố Mới mở rộng để đặt tên đường, phố.

- Mỗi đường, phố tuỳ theo quy mô, tính chất đặt tên ứng với công lao các danh nhân và phù hợp với tiến trình của lịch sử.

- Sự lựa chọn đặt tên được xem xét có hệ thống, xuyên suốt trong quá trình lịch sử, nghĩa là khi đặt tên các danh nhân đại diện cho các thời đại khác nhau nhưng liên tục trong quá trình lịch sử.

**4. Tên đường, phố lấy theo số thứ tự**

Đặt tên có thể lấy theo số thứ tự nghĩa là đường, phố mang tên một số tự nhiên. Đặt tên theo cách này dễ làm, thường đặt tên đường phố có tên dự kiến nhưng chưa đặt. Nhược điểm của cách đặt tên này là không có tính giáo dục. Do vậy trong Đề án không lựa chọn cách đặt tên này.

# Phần thứ ba

# NỘI DUNG ĐỀ ÁN

Phương án lựa chọn các tuyến đường, phố được đặt tên trên cơ sở mức độ hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, mật độ phủ lấp dân cư cao. Các tuyến phố đã hoàn thiện hạ tầng nhưng dân cư thưa thớt thì dự kiến sẽ tổ chức nghiên cứu, đặt tên trong các đợt sau.

 Việc lựa chọn tên danh nhân hoặc địa danh để đặt tên cho các tuyến đường, phố trên cơ sở thành tích, công trạng đối với đất nước và các danh nhân có quê hương huyện Quế Võ và tỉnh Bắc Ninh hoặc có quan hệ gắn bó với quê hương Bắc Ninh. Các danh nhân cùng thời hoặc cùng lĩnh vực thì được đặt theo cụm cho các tuyến phố gần nhau. Các danh nhân hoặc địa danh của địa phương thì được ưu tiên đặt tên cho các tuyến đường, tuyến phố thuộc địa phương đó.

Tổng số tuyến đường, phố đề nghị đặt tên mới giai đoạn 2 gồm 30 tuyến, trong đó có 01 tuyến đường đề nghị kéo dài thuộc địa bàn xã Cách Bi; 26 tuyến phố đặt tên mới và 03 tuyến phố đã đặt tên đề nghị kéo dài thuộc địa bàn 03 xã, thị trấn: Thị trấn Phố Mới, Phượng Mao, Phương Liễu.

## I. PHƯƠNG ÁN ĐẶT TÊN ĐƯỜNG: 01 tuyến đường

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Tên đường hiện trạng: | Đường Trần Hưng Đạo (kéo dài) |
|  | Điểm đầu: | Ngân hàng Agribank - PGD Đông Du (Bên phải: thửa đất số 118, tờ bản đồ số 6; Bên trái: thửa đất số 169, tờ bản đồ số 6). |
|  | Điểm cuối: | QL18 Cầu Dũng Quyết (Bên phải: thửa đất số 157, tờ bản đồ số 13; Bên trái: thửa đất số 220, tờ bản đồ số 13). |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 1704m. Mặt đường: đường nhựa; Tổng mặt cắt đường: 25m-67m, lòng đường rộng 15m-29m. |
|  | Tên đường: | **Trần Hưng Đạo** |

## II. PHƯƠNG ÁN ĐẶT TÊN PHỐ: 29 tuyến phố

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông từ cống Nghiêm Thôn vuông góc phố Nguyễn Năng Nhượng đến hết thôn Đỉnh. |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 39 tờ bản đồ số 28; Bên trái: thửa đất số 31, tờ bản đồ số 28. |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 10 tờ bản đồ số 35; Bên trái: thửa đất số 271, tờ bản đồ số 4. |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 813m. Mặt đường: đường BT; Tổng mặt cắt đường: 2,7m-8,2m, lòng đường rộng 2,7m-8,2m. |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Bạch Thái Bưởi** |
| 2 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông bắt đầu từ điểm giao với đường liên thôn từ chợ Phủ đến cổng chào thôn Can Vũ giao với tuyến phố Bạch Thái Bưởi. |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 52 tờ bản đồ số 31; Bên trái:thửa đất số 60, tờ bản đồ số 31. |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 130 tờ bản đồ số 30; Bên trái: thửa đất số 160, tờ bản đồ số 30 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 299m. Mặt đường: đường BT; Tổng mặt cắt đường: 3,3m-4,2m, lòng đường rộng 3,3m-4,2m |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Chử Đồng Tử** |
| 3 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông từ cống Nghiêm thôn đến cống Dưa (gần đường Quang Trung). |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: cầu Nghiêm Thôn; Bên trái: thửa đất số 39, tờ bản đồ số 28 |
|  | Điểm cuối: | Cống Dưa. |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 646m. Mặt đường: đường BT; Tổng mặt cắt đường: 4m-5m, lòng đường rộng 4m-5m. |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Đào Sư Tích** |
| 4 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông từ cây đa Nghiêm thôn đến gần hồ nước thôn Thịnh Cầu. |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 54 tờ bản đồ số 29; Bên trái: thửa đất số 43, tờ bản đồ số 29. |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 80 tờ bản đồ số 33; Bên trái: thửa đất số 53, tờ bản đồ số 33. |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 322m. Mặt đường: đường BT; Tổng mặt cắt đường: 2,5m-6,2m, lòng đường rộng 2,5m-6,2m |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Đinh Công Tráng** |
| 5 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông từ Nhà văn hóa thôn Thịnh Cầu đến hết khu dân cư thôn Đỉnh. |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 64 tờ bản đồ số 33; Bên trái: thửa đất số 42, tờ bản đồ số 33 |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 33 tờ bản đồ số 6; Bên trái: thửa đất số 34, tờ bản đồ số 144. |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 160m. Mặt đường: đường BT; Tổng mặt cắt đường: 2,3m-3,9m, lòng đường rộng 2,3m-3,9m |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Đỗ Nhuận** |
| 6 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông từ đường Trần Hưng Đạo đến ngã 3 giao với tuyến phố Chử Đồng Tử. |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 100 tờ bản đồ số 24; Bên trái: thửa đất số 101, tờ bản đồ số 24. |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 81 tờ bản đồ số 30; Bên trái: thửa đất số 66, tờ bản đồ số 30 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 308m. Đường BT; Tổng mặt cắt đường: 3,8m-10m; lòng đường rộng 3,8m-10m. |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Dương Vân Nga** |
| 7 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông từ đường Trần Hưng Đạo đến hết Khu Lương thực cũ. |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 88 tờ bản đồ số 17; Bên trái: thửa đất số 87, tờ bản đồ số 17 |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 237 tờ bản đồ số 14; Bên trái: thửa đất số 180, tờ bản đồ số 14 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 334m. Đường Bê tông; Tổng mặt cắt đường: 3m-7m; lòng đường rộng 3m-7m. |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Tôn Quang Phiệt** |
| 8 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông từ đường Trần Hưng Đạo đến nhà làm đá cảnh |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 62 tờ bản đồ số 17; Bên trái: thửa đất số 61, tờ bản đồ số 17. |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 289 tờ bản đồ số 13; Bên trái: thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 394m. Đường bê tông. Tổng mặt cắt đường: 7,5m-13,5m; lòng đường rộng 7,5m. |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Trương Vĩnh Ký** |
| 9 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông từ đường Quang Trung đến hết khu dân cư thôn Mao Lại |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 1199 tờ bản đồ số 16; Bên trái: thửa đất số 10, tờ bản đồ số 16. |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 162 tờ bản đồ số 16; Bên trái: thửa đất số 161, tờ bản đồ số 16 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 353m. Đường Bê tông. Tổng mặt cắt đường: 2m-8,5m, lòng đường rộng 2m-8,5m. |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Mao Lại** |
| 10 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông từ đường Quang Trung đến hết sân bóng (NVH thôn Mao Lại) |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 157 tờ bản đồ số 16; Bên trái: thửa đất số 169, tờ bản đồ số 16 |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 263 tờ bản đồ số 15; Bên trái: thửa đất số 274 tờ bản đồ số 15 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 383m. Đường Bê tông. Tổng mặt cắt đường: 3,5m-5,0m; lòng đường rộng 3,5m-5,0m. |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Mao Lại 1** |
| 11 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông từ ngã 4 (trường tiểu học Phượng Mao) đến hết sân bóng (NVH thôn Mao Lại) |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 55 tờ bản đồ số 14; Bên trái: thửa đất số 160, tờ bản đồ số 14. |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 113 tờ bản đồ số 7; Bên trái: thửa đất số 263 tờ bản đồ số 15. |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 332m. Đường Bê tông; Tổng mặt cắt đường: 3,0m-5,0m; lòng đường rộng 3,0m-5,0m |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Mao Lại 2** |
| 12 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông từ ngã 3 (chùa Mao Lại) đến trạm điện thôn Mao Trung |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 55 tờ bản đồ số 16; Bên trái: thửa đất số 351, tờ bản đồ số 16. |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 1 tờ bản đồ số 14; Bên trái: thửa đất số 500, tờ bản đồ số 13. |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 589m. Đường Bê tông; Tổng mặt cắt đường: 3,2m-6,5m, lòng đường rộng 3,2m-6,5m |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Trần Quý Khoáng** |
| 13 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông từ cổng Chào thôn Mao Yên đến ngã tư khu dân cư thôn Mao Yên |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 4 tờ bản đồ số 18; Bên trái: thửa đất số 3, tờ bản đồ số 18 |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 147 tờ bản đồ số 18;Bên trái: thửa đất số 173, tờ bản đồ số 18 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 241m. Đường Bê tông; Tổng mặt cắt đường: 2,9m -10m; lòng đường rộng 2,9m -10m |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Mao Yên** |
| 14 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông vuông góc với đường Dương Đình Nghệ đến hết khu dân cư thôn Mao Yên |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 6 tờ bản đồ số 17; Bên trái: thửa đất số 1, tờ bản đồ số 17 |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 49 tờ bản đồ số 18; Bên trái: thửa đất số 292, tờ bản đồ số 18 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 550m. Đường Bê tông; Tổng mặt cắt đường: 3,2m-5,5m; lòng đường rộng 3,2m-5,5m. |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Mao Yên 1** |
| 15 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông vuông góc với tuyến phố Mao Yên 1 đến hết khu dân cư Mao Yên |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 16 tờ bản đồ số 17; Bên trái: thửa đất số 26, tờ bản đồ số 17 |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 123 tờ bản đồ số 17; Bên trái: thửa đất số 121, tờ bản đồ số 17 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 314m. Đường Bê tông. Tổng mặt cắt đường: 2,7m-7,3m; lòng đường rộng 2,7m-7,3m |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Mao Yên 2** |
| 16 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông vuông góc với đường Dương Đình Nghệ đến hết đường dân cư thôn Mao Yên |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 107 tờ bản đồ số 17; Bên trái: thửa đất số 81, tờ bản đồ số 17 |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 178 tờ bản đồ số 18; Bên trái: thửa đất số 172, tờ bản đồ số 18 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 324m. Đường Bê tông. Tổng mặt cắt đường: 3,7m-5,2m; lòng đường rộng 3,7m-5,2m |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Mao Yên 3** |
| 17 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông vuông góc với đường Dương Đình Nghệ đến hết khu dân cư thôn Mao Yên |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 133 tờ bản đồ số 17; Bên trái: thửa đất số 337, tờ bản đồ số 6 |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 246 tờ bản đồ số 18; Bên trái: thửa đất số 237, tờ bản đồ số 18 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 275m. Đường bê tông. Tổng mặt cắt đường: 3,0m-7,0m; lòng đường rộng 3,0m-7,0m |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Mao Yên 4** |
| 18 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông vuông góc với phố Nguyễn Nghiêu Tư đến hết nghĩa trang liệt sĩ xã Phượng Mao |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 689 tờ bản đồ số 10; Bên trái: thửa đất số 274, tờ bản đồ số 10 |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 75 tờ bản đồ số 6; Bên trái: thửa đất số 107, tờ bản đồ số 13 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 724m. Đường bê tông. Tổng mặt cắt đường: 3,0m-15,0m; lòng đường rộng 3m-10m. |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Trần Hữu Tước** |
| 19 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông từ điểm cuối phố Nguyễn Đình Trạch kéo dài đến hết khu dân cư Mao Dộc |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 9 tờ bản đồ số 11; Bên trái: thửa đất số 12 tờ bản đồ số 11 |
|  | Điểm cuối: | Thửa đất số 316, tờ bản đồ số 11 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 434m. Mặt đường: đường BT; Tổng mặt cắt đường: 3,0m-6,0m; lòng đường rộng 3,0m-6,0m |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Nguyễn Đình Trạch** |
| 20 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông từ ngã 3 (điểm cuối phố Lương Định Của) đến hết công ty Gương kính số 1 |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 10 tờ bản đồ số 28; Bên trái: thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 403 tờ bản đồ số 28; Bên trái: thửa đất số 298, tờ bản đồ số 28 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 310m. Đường Bê tông; Tổng mặt cắt đường: 7,5m-9,6m; lòng đường rộng 7,5m-9,6m |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Tôn Thất Thuyết** |
| 21 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông từ khu đất mới thôn Hà Liễu đến chùa Hà Liễu |
|  | Điểm đầu: | Điểm có tọa độ: 21.16348, 106.1441 (vĩ độ 21.16348 và kinh độ 106.1441) |
|  | Điểm cuối: | Chùa thôn Hà Liễu tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số 28 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 986m. Đường Bê tông; Tổng mặt cắt đường: 5m-14m; lòng đường rộng 5m-7m |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Hà Liễu** |
| 22 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông từ ngã 3 (kéo dài điểm cuối phố Lương Định Của) đến hết khu dân cư thôn Hà Liễu |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 91 tờ bản đồ số 23; Bên trái: thửa đất số 10, tờ bản đồ số 28 |
|  | Điểm cuối: | Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 28 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 222m. Đường bê tông. Tổng mặt cắt đường: 5m-5,4m; lòng đường rộng 5m-5,4m |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Lương Định Của** |
| 23 | Tên đường hiện trạng: | Đường nhựa từ Công ty dược phẩm Thanh Cầu đến hết khu công nghiệp |
|  | Điểm đầu: | Thửa đất số 186, tờ bản đồ số 34 |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 2 tờ bản đồ số 26; Bên trái: thửa đất số 408, tờ bản đồ số 26 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 894m. Đường nhựa. Tổng mặt cắt đường: 4m-7,7m; lòng đường rộng 4m-7,7m |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Giang Liễu** |
| 24 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông từ Đình làng Giang Liễu đi qua Chùa Giang Liễu đến hết khu dân cư. |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 369, tờ bản đồ số 26. Bên trái: Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 33. |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 25, tờ bản đồ số 26. Bên trái: Thửa đất số 68, tờ bản đồ số 26. |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 500m. Đường bê tông. Tổng mặt cắt đường: 2,6m-5,0m; lòng đường rộng 2,6m -5,0m. |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Giang Liễu 1** |
| 25 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông từ Đình làng Giang Liễu đi hướng ngược lại với tuyến Giang Liễu 1 đến hết khu dân cư. |
|  | Điểm đầu: | Đình làng Giang Liễu: thửa đất số 01, tờ bản đồ số 34. |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 361, tờ bản đồ số 34. Bên trái: Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 34. |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 350m. Đường bê tông. Tổng mặt cắt đường: 3,5m-5,5m; lòng đường rộng 3,5m-5,5m. |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Giang Liễu 2** |
| 26 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông giữa làng thôn Do Nha đến Nhà Văn hóa thôn Phương Cầu |
|  | Điểm đầu: | Thửa đất số 143, tờ bản đồ số 22 |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 78 tờ bản đồ số 20; Bên trái: thửa đất số 79, tờ bản đồ số 20 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 1100m. Đường bê tông. Tổng mặt cắt đường: 4m-4,5m; lòng đường rộng 4m-4,5m |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Trần Bình Trọng** |
| 27 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông vuông góc với phố Tú Mỡ đến điểm giao với phố Trần Bình Trọng |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 211 tờ bản đồ số 37; Bên trái: mương tiêu |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 193 tờ bản đồ số 21; Bên trái: thửa đất số 52, tờ bản đồ số 20 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 912m. Đường bê tông; Tổng mặt cắt đường: 4,5m-14m; lòng đường rộng 4,5m-7m. |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Thích Quảng Đức** |
| 28 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông từ trường mầm non Do Nha (vuông góc phố Tú Mỡ) đến điểm giao với tuyến phố Thích Quảng Đức |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 251 tờ bản đồ số 21; Bên trái: thửa đất số 796, tờ bản đồ số 22 |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 226 tờ bản đồ số 21; Bên trái: thửa đất số 241, tờ bản đồ số 3 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 432m. Đường bê tông. Tổng mặt cắt đường: 7m-14m; lòng đường rộng 7m. |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Thân Nhân Trung** |
| 29 | Tên đường hiện trạng: | Đường bê tông từ điểm cuối phố Tú Mỡ kéo dài đến hết khu dân cư thôn Do Nha |
|  | Điểm đầu: | Bên phải: thửa đất số 262 tờ bản đồ số 21; Bên trái: thửa đất số 170, tờ bản đồ số 21 |
|  | Điểm cuối: | Bên phải: thửa đất số 36 tờ bản đồ số 21; Bên trái: thửa đất số 37, tờ bản đồ số 21 |
|  | Thông số kỹ thuật: | Chiều dài tuyến: 119m. Đường bê tông. Tổng mặt cắt đường: 7,5m, lòng đường rộng 7,5m. |
|  | Tên dự kiến đặt: | **Tú Mỡ** |

# Phần thứ tư

# TỔ CHỨC THỰC HIỆN

## I. Thời gian thực hiện

1. Rà soát và tổng hợp danh mục các tuyến đường, tuyến phố dự kiến đặt tên giai đoạn 2: Hoàn thành xong trước ngày 25/02/2022.

2. Hoàn thiện dự thảo đề án đặt tên đường, tên phố đo thị loại IV mở rộng giai đoạn 2: Hoàn thành xong trước ngày 30/03/2022.

3. Họp Ban xây dựng đề án đặt tên đường, tên phố và công trình công cộng cấp huyện để xem xét Quyết định dự kiến các tuyến đường, tuyến phố và xem xét dự thảo đề án: Dự kiến họp ngày 18/4/2022.

4. Xin ý kiến UBND huyện: Dự kiến ngày 20/4/2022.

5. Xin ý kiến các tổ chức Đảng, Thường trực HĐND huyện, UBMTTQ huyện: Dự kiến từ ngày 22/4/2022 - 25/4/2022.

6. Chuẩn bị dự thảo đề án trình Ban Thường vụ Huyện ủy: Trong tháng 04/2022.

7. Công bố, công khai phương án đặt tên đường, tên phố trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai tại các cơ sở có tuyến đường, tuyến phố dự kiến đặt tên (trong vòng 10 ngày): Dự kiến từ ngày 02/5/2022 - 12/5/2022.

8. Xin ý kiến thẩm định của Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh Bắc Ninh: Dự kiến từ ngày 13/5/2022 - 18/5/2022.

9. Hoàn thiện dự thảo Đề án, tổng hợp các ý kiến tham gia của các cơ quan Đảng, MTTQ và các cơ quan chuyên môn của huyện để trình UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh: Dự kiến từ ngày 20/5/2022 đến hết tháng 07/2022.

10. Triển khai kế hoạch lắp đặt biển tên đường, tên phố, ngõ, ngách, đánh số và gắn biển số nhà trên địa bàn huyện quế võ (giai đoạn 2) sau khi có Nghị quyết của HĐND tỉnh và văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh: Dự kiến tháng 08/2022.

## II. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

**1. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện**

- Xây dựng dự thảo Đề án.

- Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nội dung của đề án.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan chuẩn bị các tài liệu liên quan phục vụ các cuộc họp.

- Lập danh mục tên đường, tên phố. Mỗi tên có kèm theo báo cáo tóm tắt tiểu sử, ý nghĩa của các tên đường dự kiến đặt.

- Tổng hợp kết quả của các cơ quan, đơn vị, hoàn thiện thủ tục trình UBND huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy, Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh, UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh.

**2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường**

Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì, phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan:

- Cung cấp quy hoạch chung đô thị Phố Mới mở rộng và phụ cận (đô thị Quế Võ), tỉnh Bắc Ninh đến năm 2040 phục vụ cho nhiệm vụ Đề án;

- Dự kiến các tuyến đường, tuyến phố theo hiện trạng (kèm theo bản đồ tỷ lệ 1/1000 toàn bộ khu vực đô thị dự kiến có đường, phố được đặt tên);

- Cung cấp thông số kỹ thuật các tuyến đường, tuyến phố dự kiến đặt tên (tên đường hiện trạng, điểm đầu, điểm cuối, chiều dài tuyến, chất liệu mặt đường, mặt cắt ngang đường, vỉa hè…);

- Lắp đặt biển tên đường, tên phố sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Tham mưu chỉ đạo các xã, thị trấn có tuyến đường, tuyến phố dự kiến đặt tên thực hiện việc xác định và gắn biển số nhà và các ngõ, ngách.

**3. Phòng Nội vụ**

- Rà soát phân định địa giới hành chính.

- Phối hợp triển khai thực hiện Đề án.

**4. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện**

- Tham mưu UBND huyện cấp kinh phí thực hiện kế hoạch.

- Kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán ngân sách và sử dụng kinh phí bảo đảm đúng mục đích, có hiệu quả theo quy định của Nhà nước.

**5. Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông:**

Tuyên truyền, phổ biến nội dung, ý nghĩa của việc đặt tên đường để nhân dân tích cực ủng hộ và tham gia đóng góp ý kiến.

**6. Đề nghị Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Ủy ban MTTQ huyện**

Tổ chức tuyên truyền, vận động các đoàn thể, đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia đóng góp ý kiến, tích cực ủng hộ việc đặt tên đường, tên phố.

**7. Văn phòng HĐND-UBND**

Tham mưu giúp UBND huyện ban hành các văn bản, Thông báo, Kết luận để các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện.

Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn đảm bảo tiến độ theo Kế hoạch.

**8. UBND các xã, thị trấn có tuyến đường, tuyến phố được đặt tên**

Chủ tịch UBND các xã, thị trấn có tuyến đường, tuyến phố dự kiến đặt tên, bao gồm: Thị trấn Phố Mới, Phượng Mao, Phương Liễu, Cách Bi:

- Phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng khảo sát, đánh giá hiện trạng các tuyến đường, tuyến phố dự kiến đặt tên; triển khai thực hiện gắn biển tên đường, tên phố (sau khi có quyết định phê duyệt của UBND tỉnh đánh số nhà và xác định các ngõ, ngách, số nhà trên các tuyến đường, tuyến phố).

- Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia đóng góp ý kiến, tích cực ủng hộ việc đặt tên đường, tên phố.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý các trường hợp vi phạm quy định về đặt tên đường, tên phố trên địa bàn xã, thị trấn quản lý.

## III. Kinh phí

Kinh phí xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án Đặt tên đường, tên phố Thị trấn Phố Mới mở rộng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh (giai đoạn 2) bố trí từ nguồn ngân sách của huyện.

Giao cho Ban Xây dựng Đề án huyện lập dự trù kinh phí.

# Phần thứ năm

# KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Đề án “Đặt tên đường, tên phố đô thị Phố Mới mở rộng (giai đoạn 2)” được lập trên cơ sở các văn bản pháp lý hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, với tổng số là 30 tuyến đường, phố (trong đó có 01 tuyến đường và 29 tuyến phố).

Đề án được xây dựng dựa trên ý kiến chỉ đạo của Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, UBND huyện; ý kiến tham gia của các Ban xây dựng Đảng, UBMTTQ và các đoàn thể; của các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND huyện và các chuyên gia trong các lĩnh vực về văn hoá, xây dựng; ý kiến đóng góp của UBND các xã, thị trấn, của nhân dân trong đô thị Phố Mới mở rộng, ý kiến thẩm định của Hội đồng tư vấn đặt tên đường, phố, công trình công cộng tỉnh Bắc Ninh.

UBND huyện kính đề nghị Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng Tỉnh xem xét, thẩm định và trình UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh quyết định phê duyệt Đề án.

*(Kèm theo Đề án bao gồm: Phụ lục 01: Danh mục phương án đặt tên đường, phố; Phụ lục 02: Trích yếu danh nhân, địa danh dự kiến đặt tên đường, phố; Bản đồ tổng thể tên đường, phố giai đoạn 2)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- HĐND, UBND tỉnh (b/c);- Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch (b/c);- Hội đồng tư vấn tỉnh (b/c);- TT HU, TT HĐND huyện (b/c);- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;- UBND các xã, thị trấn liên quan;- Lưu: VT, VHTT. | **TM. UBND HUYỆN** |